|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TÙNG CHÂU**  Số: 354/KH-UBND | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc *Tùng châu, ngày 30 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH**

**Hỗ trợ xây dựng mô hình phân loại, xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn và di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 01 ngăn, 02 ngăn** **để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại đối với các đối tựng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có người khuyết tật trên địa bàn xã năm 2024**

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch kinh phí thực hiện một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 theo Nhgị quyết 44/2021/NQ-HĐND. Ủy ban nhân dân xã Tùng Châu xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể về việc xây dựng mô hình phân loại, nước thải sinh hoạt tại nguồn và hộ nghèo, cận nghèo di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 02 ngăn để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại trên địa bàn xã năm 2024 cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:**

Nhân rộng mô hình xử lý nước thải tại nguồn, nhà vệ sinh tự hoại trước khi thải ra môi trường; giải quyết tốt vấn đề môi trường nhằm tác động tích cực vào đời sống xã hội, góp phần đạt chuẩn tiêu chí môi trường trong xây dựng thôn kiểu mẫu – xã Nông thôn mới nâng cao.

**2. Yêu cầu:**

- Cấp ủy – Ban công tác mặt trận các thôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các gia đình hội viên và nhân dân trong việc lắp đặt, xử lý nước thải tại nguồn đảm bảo yêu cầu, đảm bảo vệ sinh môi trường và hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo, gia đình thương, gia đình liệt sỹ, gia đình có người khuyết tật di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 2 ngăn, 1 ngăn để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại đảm bảo sử dụng đạt hiệu quả.

**II. NỘI DUNG**

**1. Công tác tuyên truyền**

- Nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường.

- Phổ biến kiến thức, mục đích về xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình.

- Tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện thu gom, sơ xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình bằng hố lắng lọc trước khi thoát ra mương thoát nước chung của thôn.

**2. Cách thức xây dựng mô hình:**

**2.1. Đối với mô hình xử lý nước thải:**

***a) Tiêu chí lựa chọn:*** Gần vị trí xả nước thải, lựa chọn hộ có trách nhiệm, tự nguyện thực hiện và duy trì mô hình, có diện tích vườn đủ rộng để bố trí xây dựng mô hình.

***b) Vị trí xây dựng mô hình:*** Tùy thuộc vào điều kiện, diện tích, nhân khẩu của hộ gia đình bố trí nơi xây dựng bể xử lý nước thải đảm bảo hợp vệ sinh, không làm ảnh hưởng đến hộ khác và cảnh quan môi trường.

***c) Thiết kế:*** Về kích thước và kiểu dáng: hệ thống xử lý có 3 bể, lắng lọc qua 3 lớp cát và sỏi, kích thước cụ thể theo mẫu thiết kế chi tiết gửi kèm theo.

*(Có hình ảnh minh họa kèm theo)*

**2.2. Đối với mô hình nhà vệ sinh tự hoại:**

Trên cơ sở thiết kế mẫu công trình vệ sinh tự hoại thông dụng hoặc hộ áp dụng mô hình nhà vệ sinh giá rẻ đang áp dụng tại Dự án CHOBA.

**3. Công tác giám sát - kiểm tra và nghiệm thu.**

**3.1. Công tác kiểm tra, giám sát:**

Cấp ủy – Ban công tác mặt trận phối hợp với các tổ chức Đoàn thể, Hội nông dân, hội liên hiệp phụ nữ xã xây dựng kế hoạch, bố trí nhân lực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc phân loại, xây bể xử lý rác thải, nước thải tại các hộ gia đình trên địa bàn.

**3.2. Kết quả mô hình:**

- Trang bị đầy đủ cho các thôn, cán bộ và nhân dân kiến thức và kỹ năng cần thiết về thu gom, xử lý nước thải tại hộ đảm bảo môi trường.

- 100% hộ gia đình trên địa bàn xã được tuyên truyền về kiến thức phân loại, xử lý rác thải, nước thải.

**3.3. Quy trình, hồ sơ nghiệm thu, hỗ trợ:**

***3.3.1. Quy trình thực hiện chung:***

- Các thôn trên cơ sở số lượng được phân bổ, tuyên truyền, nhận định, vận động hộ gia đình đủ điều kiện lắp đặt đăng ký, UBND xã tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng từ các thôn và phối hợp cùng thôn hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện (Công chức NNMT, Hội nông dân, hội phụ nữ chịu trách nhiệm chính phối hợp cùng Cấp ủy - Ban cán sự thôn hướng dẫn, giám sát việc lắp đặt theo đúng mẫu mã, thiết kế);

- Trên cơ sở thiết kế mẫu công trình, hộ gia đình hoàn thành xây dựng, báo cáo UBND xã rà soát, nghiệm thu, tổng hợp danh sách các hộ xây dựng đạt yêu cầu, đưa vào sử dụng hiệu quả, đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, để đề xuất UBND cấp huyện phê duyệt hỗ trợ;

***3.3.2. Hồ sơ nghiệm thu:***

***a) Đối với mô hình phân loại xữ lý nước thải tại nguồn:***

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ của thôn, có danh sách các hộ kèm theo;

- Đơn đề xuất hỗ trợ của hộ (Mẫu chung do xã gửi thôn);

- Biên bản nghiệm thu hộ gia đình xây dựng mô hình phân loại, xử lý rác thải, nước thải tại nguồn hoàn thành, đưa vào sử dụng của thôn cùng Đoàn thể phụ trách, đảm nhận.

***b) Đối với xây dựng nhà vệ sinh tự hoại:***

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ của UBND cấp xã, có danh sách các hộ kèm theo

- Đơn đề xuất hỗ trợ của hộ (Hồ sơ gửi qua UBND cấp xã);

- Biên bản nghiệm thu hộ gia đình xây dựng công trình vệ sinh tự hoại hoàn thành, đưa vào sử dụng của UBND cấp xã;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, gia đình khuyết tật, gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ của các hộ gia đình.

**4. Kinh phí thực hiện.**

**4.1. Hổ trợ mô kinh phí xây dựng mô hình phân loại, xử lý nước thải:**

*4.1.1 Đối tượng hỗ trợ:* Đối với tất cả các hộ có nhu cầu xây dựng mô hình xữ lý nước thải trên địa bàn toàn xã năm 2024.

*4.1.2. Mức hỗ trợ:*

- Hỗ trợ kinh phí xây mô hình xử lý nước thải tại hộ:

+ Mô hình xữ lý nước thải 3 bi có nắp đậy 1.000.000 đồng/mô hình/hộ (mỗi hộ chỉ hỗ trợ 01 mô hình).

+ Mô hình 3 bể xây hổ trợ 700.000 đồng/mô hình/hộ (mỗi hộ chỉ hỗ trợ 01 mô hình).

*4.1.3. Nguồn kinh phí*: Ngân sách cấp huyện, tỉnh và trung ương hổ trợ hỗ trợ.

**4.2. Đối với mô hình xây nhà vệ sinh tự hoại:**

*4.2.1. Đối tượng hổ trợ*: hộ nghèo, cận nghèo, gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có người khuyết tật.

*4.2.2. Mức hổ trợ;* Hổ trợ 2 triêu đồng/hộ

*4.2.3. Nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh.*

*Giao các đồng chí thôn trưởng các thôn rà soát, lập danh sách các hộ gia đình thuộc đối tượng được hưởng chính sách chưa có công trình vệ sinh tự hoại tại hộ gia đình gửi về UBND xã qua công chức nông nghiệp môi trường trước ngày* ***10/10/2024 .***

***Đề nghị MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia, hưởng ứng mạnh mẽ nội dung nêu trên.***

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Công chức Nông nghiệp môi trường:**

- Chủ trì phối hợp cùng Hội Nông dân, Hội phụ nữ, thôn xóm xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai có hiệu quả mô hình.

- Chủ trì kiểm tra, xây dựng hồ sơ nghiệm thu đánh giá hiệu quả mô hình.

**2. Hội Nông dân, Hội phụ nữ, các Thôn xóm:**

- Tuyên truyền nhân dân về việc xây dựng mô hình vể phân loại, xử lý rác thải, nước thải; hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, gia đình khuyết tật, Thương binh, liệt sỹ di dời, phá bỏ công trình vệ sinh 02 ngăn để xây dựng công trình vệ sinh tự hoại; kiểm tra, nghiệm thu đánh giá mô hình.

- Phối hợp với UBND xã, các thôn xóm chỉ đạo triển khai hướng dẫn, sử dụng các mô hình đảm bảo theo mẫu thiết kế chung, sử dụng đạt hiệu quả.

- Triển khai xây dựng, gửi danh sách, tờ trình đề nghị hỗ trợ về UBND xã qua công chức NNMT trước ngày 30/9/2024 để tổng hợp, thành lập đoàn đánh giá, nghiệm thu.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường Đảng ủy, HĐND;  - MTTQ và các đoàn thể cấp xã;  - Chủ tịch, P chủ tịch UBND xã:  - Ban công tác MT và Thôn trưởng của 7 thôn;  - Lưu: VT-UBND xã. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**    **Nguyễn Ngọc Thơ** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **DANH SÁCH PHÂN BỔ CHỈ TIÊU XÂY DỰNG MÔ HÌNH XỮ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ VỆ SINH TỰ HOẠI NĂM 2024** | | | | | | |
| *(Kèm theo kế hoạch số354 ngày 30/9/2024)* | | |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Thôn** | **Tổng số hộ** | **Mô hình xữ lý nước thải** | |  | **Ghi chú** |
|  |  |  | **Đả thực hiện** | **Đạt %** | **Cần phải TH** |
| **1** | **Thanh Kim** | **120** | **30** | **25%** | **18** |  |
| **2** | **Thinh Kim** | **127** | **3** | **2%** | **48** |  |
| **3** | **Tân An** | **184** | **50** | **27%** | **22** |  |
| **4** | **Văn Khang** | **100** | **15** | **15%** | **25** |  |
| **5** | **Đại châu** | **117** | **4** | **3%** | **43** |  |
| **6** | **Diên Phúc** | **155** | **29** | **19%** | **37** |  |
| **7** | **Châu Thịnh** | **196** | **50** | **26%** | **31** |  |
| **Tổng** |  | **999** | **181** | **117%** | **224** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |